TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày 19-01-2022.
V/v: Ly hôn giữa chị Lan A và A G.

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Trường Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thể.
2. Bà Phạm Thị Kim Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Kiều Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà Trần Hoàng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2021/TLST-HNGĐ ngày 05-10-2021 về việc "Ly hôn, trA chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2021; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Lan A, sinh năm 1998.

Nơi ĐKHKTT: Thôn Đ, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định.

Nơi ở hiện nay: Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Anh Trần Văn G, sinh năm 1993.

Nơi ĐKHKTT và cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị L, sinh năm 1965; cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa: có mặt chị Vũ Thị Lan A. Vắng mặt anh Trần Văn G và bà Trần Thị L).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn chị Vũ Thị Lan A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn G đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã H cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16-01-2017. Vợ chồng tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và cùng chung sống với nhau tại nhà của bố mẹ chồng tại Thôn Đ, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định; sau một thời gian thì vợ chồng chuyển vào trong Miền Nam làm nghề tự do. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng tháng 4 năm 2021 thì bắt đầu sống ly thân, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp, chị quyết định quay về quê sinh sống, còn anh G vẫn tiếp tục làm tự do tại Miền Nam. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng vẫn liên lạc với nhau, nhưng mục đích chỉ để hỏi thăm con cái và liên hệ để làm thủ tục ly hôn. Chị xác định không còn tình cảm, tình nghĩa gì với anh G. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và đã kéo dài, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vì vậy chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh G.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Nhật L, sinh ngày 10-12-2015 và cháu Trần Xuân L, sinh ngày 20-8-2017. Hiện nay hai cháu đang ở cùng với ông bà nội của cháu tại Thôn Đ, xã H. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và những vấn đề khác có liên quan: Chị không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Trần Văn G: Khi tòa án thụ lý vụ án xin ly hôn giữa chị Lan A với anh, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng và tống đạt các thủ tục tố tụng đối với anh G theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh G đều vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L trình bày: Bà là mẹ đẻ anh Trần Văn G, chị Vũ Thị Lan A là vợ anh G. Anh G và chị Lan A kết hôn từ năm 2014, đến nay anh chị ấy có hai con là cháu Trần Nhật L, sinh năm 2015 và cháu Trần Xuân L, sinh năm 2017.

Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh G là do làm vất vả, vợ chồng sinh ra cãi nhau; vì lý do dịch bệnh kinh tế gia đình không có, nên vợ chồng anh chị ấy càng nảy sinh mâu thuẫn.

Hiện nay anh G vẫn có hộ khẩu ở xã H, nhưng vì làm tự do ở trong Bình Dương nên địa chỉ cụ thể tôi không biết, nhưng anh G vẫn điện thoại và gửi tiền về cho tôi chăm sóc nuôi dưỡng con của anh ấy.

Nếu vợ chồng anh G phải ly hôn, nguyện vọng của tôi muốn được nuôi dưỡng cả hai cháu, còn không được thì tùy thuộc vào vợ chồng anh G và tùy thuộc vào pháp luật. Khi vợ chồng anh G phải ly hôn và phải chia con tôi

không yêu cầu và đề nghị bất cứ vấn đề gì.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Lan A: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với anh Trần Văn G; về con chung có nguyện vọng nuôi dưỡng chăm sóc cả hai cháu và không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Những nội dung khác chị không yêu cầu xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, cũng như việc chấp hành pháp luật của đương sự.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Lan A, cụ thể:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Vũ Thị Lan A và anh Trần Văn G.

+ Về con chung: Giao cháu Trần Nhật L, sinh ngày 10-12-2015 và cháu Trần Xuân L, sinh ngày 20-8-2017 cho chị Lan A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh G không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản, công nợ và các nội dung khác: Đương sự không đề nghị nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lan A phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Văn G đăng ký hộ khẩu thường tại Thôn Đ, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định; anh G làm nghề tự do tại Miền Nam và không cung cấp nơi cư trú hoặc nơi làm việc. Qua xác minh anh G vẫn thường liên lạc với gia đình và về quê tại Thôn Đ, xã H. Do đó, Tòa án nhân dân huyện V thụ lý giải quyết vụ án dân sự về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" giữa chị Vũ Thị Lan A và anh Trần Văn G là đúng thẩm quyền.

Đối với chị Vũ Thị Lan A trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lan A đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật và trình bày quan điểm, nguyện vọng của mình tại các văn bản tố tụng.

Đối với anh Trần Văn G trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh G và bà Trần

Thị L là mẹ đẻ của anh G đã nhận thay và cam đoan sẽ giao hoặc thông báo nội dung của những văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện V cho anh G được biết, nhưng anh G không chấp hành. Tại phiên tòa anh G và bà L vắng mặt; vì vậy hội đồng căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh G và bà L.

[2] Về nội dung: Chị Vũ Thị Lan A và anh Trần Văn G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, nên hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống chị Lan A và anh G đã phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không còn hạnh phúc và đã sống ly thân nhiều năm. Xét vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người mỗi nơi, thực sự không còn quan tâm đến nhau; từ lâu đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc gia đình. Chị Lan A xác định vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ. Như vậy quyền và nghĩa vụ về nhân thân trong mối quan hệ giữa vợ chồng của chị Lan A và anh G không đảm bảo với quy định tại các Điều 17, 19, 20, 21 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện chị Lan A; xử ly hôn giữa chị Vũ Thị Lan A và anh Trần Văn G.

[3] Về con chung: Chị Lan A và anh G có 02 con chung là cháu Trần Nhật L, sinh ngày 10-12-2015 và cháu Trần Xuân L, sinh ngày 20-8-2017. Hiện nay các cháu đang sống cùng với bà Trần Thị L là bà nội của các cháu tại Thôn Đ, xã H; nhưng chị Lan A vẫn thường xuyên chăm sóc các cháu.

Căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình; việc trôm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là quyền, nghĩa vụ của vợ chồng.

Xét thấy chị Lan A có sức khỏe và có thu nhập; hiện nay không xác định được anh G cư trú hoặc làm việc ở đâu. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu L và cháu L cho chị Lan A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp đảm bảo đầy đủ các điều kiện tốt nhất để các cháu học tập, sinh hoạt và phát triển.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lan A không yêu cầu, nên không buộc anh G phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Lan A.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và những vấn đề khác có liên quan: Đương sự không đề nghị nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về tư cách tham gia tố tụng: Bà Trần Thị L, mẹ đẻ của anh G hiện nay đang trông nom chăm sóc hai con chung của anh G với chị Lan A. Vì vậy xác định bà L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về

mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Chị Vũ Thị Lan A phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Xử ly hôn giữa chị Vũ Thị Lan A và anh Trần Văn G.

2. Con chung: Giao con chung của vợ chồng là cháu Trần Nhật L, sinh ngày 10-12-2015 và cháu Trần Xuân L, sinh ngày 20-8-2017 cho chị Vũ Thị Lan A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. (Hiện nay cháu L và cháu L đang ở với bà Trần Thị L là bà nội của các cháu tại Thôn Đ, xã H). A Trần Văn G và bà Trần Thị L có trách nhiệm giao cháu L và cháu L cho chị Vũ Thị Lan A trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Văn G không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Văn G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Vũ Thị Lan A phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng)

Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Vũ Thị Lan A đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001355 ngày 05 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Nam Định được đối trừ. (Chị Lan A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm).

4. Quyền kháng cáo:

Chị Vũ Thị Lan A có quyền được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Trần Văn G và bà Trần Thị L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. (Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ được kháng cáo phần có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã H;
- Lưu Vp, hồ sơ vụ án;

Phạm Trường Nam